

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày 17-01-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu B

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh N

Bà Phạm Kim N

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phùng Bích T - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Ngọc T.

Địa chỉ cư trú: khu vực 1, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.
Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị N.

Địa chỉ cư trú: khu vực 1, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lâm Ngọc T trình bày: Ông Lâm Ngọc

T và bà Trần Thị N kết hôn vào năm 2000, đã tiến hành đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu hôn nhân vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ đầu năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Nga không tôn trọng ông Tài, vô lễ với cha mẹ chồng, khiến vợ chồng cãi vã nhau, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đến mức không thể hàn gắn được nữa, nên ông Tài khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nga, yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà Nga cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, ông Tài thay đổi một phần yêu cầu về con chung, cụ thể ông Tài chỉ yêu cầu sau khi ly hôn ông được nuôi dưỡng con chung tên Lâm Ngọc Phát, riêng cháu Lâm Ngọc Mai ông Tài yêu cầu giao cho bà Nga nuôi dưỡng, không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với bà Trần Thị N tính từ lúc Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử chưa một lần chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng chưa thể hiện ý kiến của mình bằng văn bản về tranh chấp trong vụ án.

Những nội dung mà các đương sự đã thống nhất thỏa thuận được: không.

Những nội dung mà các đương sự không thống nhất thỏa thuận được: ông Lâm Ngọc T yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị N, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Lâm Ngọc Phát, giao con chung tên Lâm Ngọc Mai cho bà Trần Thị N nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, bà Trần Thị N chưa thể hiện ý kiến.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ lúc thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vi phạm pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lâm Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị N và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Do đó đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Đối với bà Trần Thị

N dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị N.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông Lâm Ngọc T và bà Trần Thị N kết hôn vào năm 2000, hiện tại ông, bà đã hoàn thành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của bà Nga và ông Tài được công nhận là hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Tài, Hội đồng xét xử thấy rằng: quá trình chung sống trong thời kỳ hôn nhân do bà Nga không tôn trọng ông Tài khiến vợ chồng mâu thuẫn và cãi vã nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nên từ năm 2016 cho đến nay vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung với nhau nữa. Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”. Đối chiếu quy định nêu trên với trường hợp của ông Tài và bà Nga cho thấy ông Tài và bà Nga đã không còn yêu thương nhau nữa, biểu hiện qua việc vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung gần 02 năm nay, nên vợ chồng không thể quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong việc thực hiện các công việc hàng ngày. Đối với bà Trần Thị N dù được Tòa án thông báo về việc ông Lâm Ngọc T khởi kiện xin ly hôn, nhưng bà Nga vẫn không một lần đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, cũng như có phương án khả thi để vợ chồng hàn gắn quan hệ hôn nhân, nên xem như bà Nga đã bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình nữa. Những hành vi nêu trên của bà Nga là hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng, hậu quả là làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa ông Tài cương quyết yêu cầu được ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giải quyết cho ông Tài được ly hôn với bà Nga.

[3] Về con chung: quá trình chung sống ông Tài và bà Nga có 02 con chung tên Lâm Ngọc Mai, sinh năm 2002 và Lâm Ngọc Phát, sinh năm 2004, cháu Mai hiện tại sống chung với bà Nga, còn cháu Phát hiện tại sống chung với ông Tài, theo nguyện vọng của cháu Phát sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với cha. Sau khi cân nhắc việc đảm bảo quyền lợi của 02 cháu Mai và Phát sau khi cha mẹ ly hôn, về các mặt vật chất, tình cảm và giáo dục cộng với tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều

81 của Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao cháu Lâm Ngọc Mai cho bà Nga trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lâm Ngọc Phát cho ông Tài trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ông Tài và bà Nga chưa ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung do các đương sự chưa yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông Tài trình bày không có, nên không tranh chấp, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét hai vấn đề nêu trên.

[5] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông Lâm Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo mức án phí không có giá ngạch với số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56 và 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lâm Ngọc T. Ông Lâm Ngọc T được ly hôn với bà Trần Thị N.

2. Sau khi ly hôn, ông Lâm Ngọc T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Lâm Ngọc Phát, sinh ngày 16/5/2004 (giới tính: Nam), bà Trần Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lâm Ngọc Mai, sinh ngày 29/11/2002. Ông Tài và bà Nga chưa ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung do các đương sự chưa yêu cầu. Ông Tài và bà Nga có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Lâm Ngọc T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0012545 ngày 27/10/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thanh N – Phạm Kim N

Nguyễn Hữu B